

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ QUAN NIỆM CỦA NÔNG DÂN VỚI GIÁ TRỊ HỌC VẤN

BÉ VĂN HẬU

Cùng với những giá trị tinh thần khác, giá trị học vấn có ý nghĩa quan trọng trong đời sống văn hóa - xã hội ở nông thôn hiện nay. Nó ngày càng trở nên một giá trị thu hút sự chú ý và quan tâm rất lớn của các gia đình nông dân những năm gần đây.

Trong bài viết này chúng tôi sẽ cố gắng tìm hiểu về sự quan tâm của các bậc cha mẹ trong các gia đình nông thôn đến học vấn của con cái như thế nào? Từ đó đề cập đến ý nghĩa xã hội trong quan niệm của nông dân về giá trị của học vấn, tương ứng với các quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay.

Trong những thập niên vừa qua, trên lĩnh vực văn hóa-giáo dục, chúng ta đã giành được những thành tựu to lớn. Nông thôn Việt Nam từ chỗ đại đa số nông dân trước kia mù chữ thì nay tình trạng đó hầu như không còn, mà chỉ số phát triển học vấn ngày càng cao. Đây là một trong những kết quả thực sự có ý nghĩa xã hội sâu sắc trong việc làm đổi mới bộ mặt kinh tế, văn hóa và xã hội ở nông thôn. Để thấy được thành tựu to lớn về lĩnh vực học vấn, chúng ta trở lại xem xét bộ mặt nông thôn xưa với thực trạng học vấn của nó. Trước Cách mạng Tháng Tám, chỉ có 2% trẻ em nông thôn đi học (số này thường là con cái nhà giàu). Khi Cách mạng tháng Tám thành công, ở nông thôn Việt Nam có khoảng 14 triệu người mù chữ trong tổng số 15 triệu người mù chữ trong cả nước, chiếm đến 95% tổng số dân cư trong độ tuổi từ 8-50 tuổi ở nông thôn⁽¹⁾. Theo *Bản án chế độ thực dân Pháp* của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, thì “lúc ấy, cứ 1.000 làng thì có 15.000 đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong 1.000 làng đó lại chỉ có vèn vèn 10 trường học (1%)”⁽²⁾.

Nhưng đến giữa năm 1950, nghĩa là sau 5 năm cách mạng thành công, thì đã có 10 tỉnh, 80 huyện, 1.124 xã và 7.248 thôn ở các vùng nông thôn tự do được công nhận xóa xong nạn mù chữ⁽³⁾. Và đến cuối năm 1958, trên 90% tổng số nông dân đồng bằng và trung du miền Bắc biết đọc, biết viết⁽⁴⁾. Theo số liệu điều tra của Trung ương Đoàn

¹ Xem: *Văn hóa xã hội chủ nghĩa - một giai đoạn mới trong tiến bộ văn hóa nhân loại*, phần “Tiến bộ văn hóa của nông dân Việt Nam trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội”. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983, tr. 231.

² Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, tập 1. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 98.

³, ⁴ Theo Ngô Văn Cát: “Việt Nam chống thất học” Trích trong cuốn *Văn hóa xã hội chủ nghĩa - một giai đoạn mới trong tiến bộ văn hóa nhân loại*, sách đã dẫn, tr. 232, 233.

Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh năm 1979, trong nông thôn miền Bắc có 10,9% tổng số thanh niên có trình độ văn hóa cấp I, 79% có trình độ văn hóa cấp II và 10,1% có trình độ văn hóa cấp III. So sánh chỉ số học vấn của nước ta với chỉ số học vấn của những nước trên thế giới và các nước chậm phát triển, thì chúng ta thấy những thành tựu học vấn ở Việt Nam đã đạt được như trên quả là những biến đổi bất ngờ. Theo tư liệu của Ủy ban Văn hóa giáo dục và Khoa học Liên hiệp quốc (UNESCO) thì hiện nay trên thế giới vẫn còn 28,9% tổng số người mù chữ, riêng tại các nước chậm phát triển, tỷ lệ ấy lên tới 47,7%.

Như vậy, rõ ràng ở nước ta, đặc biệt là các vùng nông thôn, sự phát triển về học vấn không chỉ là kết quả được diễn tả trên sách báo mà nó là một thực tế xã hội, khách quan.

Những thành tựu đó liên quan hết sức chặt chẽ đến các chính sách đúng đắn kịp thời của Đảng và Nhà nước ta trong việc đầu tư, phát triển nền giáo dục rộng khắp và là kết quả trực tiếp của cuộc cách mạng văn hóa và tư tưởng được tiến hành từ nhiều năm nay. Nhưng sẽ không đánh giá được đầy đủ nếu nhìn những thành tích đó chỉ là kết quả của các chính sách xã hội đối với học vấn. Một vấn đề khác ở đây cần đặc biệt lưu ý, đó là thái độ, sự quan tâm đến học vấn của các bậc cha mẹ đối với con cái và sự phấn đấu của chính con cái họ. Bởi vì, bản thân những bậc cha mẹ có nhận thức được tính tích cực của học vấn, ý nghĩa xã hội to lớn của nó, thì mới trở thành tác nhân thúc đẩy, góp phần làm cho bộ mặt học vấn ở nông thôn ngày càng phát triển. Do vậy, để đánh giá thành tựu của nền học vấn nông thôn, việc xem xét những quan niệm của các bậc cha mẹ trong gia đình nông thôn có một thái độ đối với học vấn như thế nào, có một ý nghĩa quan trọng.

Trong năm 1984, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu xã hội học thực nghiệm tại hai xã thuộc tỉnh Hà Nam Ninh⁽⁵⁾. Tại hai điểm nghiên cứu này, việc tìm hiểu về sự quan tâm của các gia đình nông dân đến học vấn của con cái được đưa vào chương trình nghiên cứu. Để thấy được ý nghĩa của nội dung nghiên cứu này, chúng tôi sẽ lần lượt phân tích các số phần trăm ý kiến đánh giá của các nhóm gia đình nông dân cho từng thang bậc giá trị học vấn bao gồm:

- Học hết phổ thông cơ sở.
- Học hết phổ thông trung học.
- Học trung cấp.
- Học đại học.

Ngoài ra, còn có hai thang bậc tương ứng với hai khả năng có thể xảy ra trong cách xử sự của các chủ gia đình trước việc học tập của con cái họ, là:

- Tùy khả năng con cái.
- Không có ý định,

Tại điểm nghiên cứu Hải Bắc, các bậc cha mẹ trẻ (dưới độ tuổi 30) đã cho ý kiến đánh giá với tỷ lệ cao những trường hợp sau:

1. Tùy khả năng con cái (59,4%).
2. Học hết phổ thông trung học (21,9%).
3. Học hết phổ thông cơ sở (15,6 %).

⁵ Xã Hải Thanh và Hải Bắc (Hải Hậu, Hà Nam Ninh).

Những yếu tố giá trị học vẫn khác như “học đại học”, “học trung cấp” và thái độ “không có ý định” ít được họ quan tâm đến. Chỉ số phần trăm các ý kiến này đạt được rất thấp (9,4% và 3,1%).

Tại điểm Hải Thanh, kết quả ý kiến của nhóm cha mẹ trẻ cũng tương tự như ở Hải Bắc. Đó là sự ưu tiên cho yếu tố “hết phổ thông trung học” (40,9%) và “tùy khả năng con cái” (54,5%). Sự khác biệt trong việc lựa chọn những yếu tố khác có các chỉ số chênh lệch không đáng kể.

So sánh ý kiến đánh giá của các bậc cha mẹ trẻ với ý kiến đánh giá của các bậc cha mẹ có độ tuổi cao hơn về khía cạnh đang phân tích này, chúng tôi cũng nhận thấy có sự nhất quán giữa các ý kiến với nhau. Tại Hải Thanh, ý kiến các bậc cha mẹ ở những độ tuổi 31-40 và 41-50, trên 50, đánh giá cho yếu tố “tùy khả năng con cái” chiếm các phần trăm tương ứng là: 61,4 %, 46% và 47,6% trong tổng số ý kiến những người được phỏng vấn. Ý kiến đánh giá cho yếu tố “hết phổ thông trung học” là 28,1%, 20% và 23,8 % ; ý kiến đánh giá cho “hết phổ thông cơ sở” là 12,3%, 8,0% và 9,5%; “học trung cấp” 1,8%, 6% (độ tuổi trên 50 không đánh giá); “học đại học” 5,3%, 18% và 28,6%. Yếu tố giá trị học vẫn này, ở các bậc tuổi cao, cũng được đánh giá cao giống như ở các bậc cha mẹ trẻ mà chúng tôi đã nêu ở phần trên. Còn thái độ “không có ý định” thì ở độ tuổi 31-40 không đánh giá; 2% và 4,8% với độ tuổi 41-50 và trên 50. Cũng thuộc các bậc cha mẹ có độ tuổi từ 31 đến trên 50 ở Hải Bắc, ý kiến đánh giá cho từng yếu tố giá trị học vẫn như sau (theo % những người trả lời):

Các yếu tố giá trị học vẫn	Chung	Độ tuổi		
		31 - 40	41 - 50	Trên 50
Hết phổ thông cơ sở	25,6	23,0	24,2	35,9
Hết phổ thông trung học	29,5	28,0	37,1	28,1
Học trung cấp	2,3	4,0		1,6
Học đại học	7,8	5,0	11,3	7,8
Tùy khả năng con cái	45,0	47,0	41,9	37,5
Không có ý định	3,5	4,0	3,2	3,1

Nhìn vào các số liệu thực nghiệm trên ở các bậc cha mẹ, có độ tuổi từ 31- trên 50 cũng bộc lộ rõ thái độ ưu tiên cho các yếu tố giá trị học vẫn “hết phổ thông trung học” và “hết phổ thông cơ sở”. Tuy nhiên, yếu tố “tùy khả năng con cái” vẫn được nhiều ý kiến đánh giá nhất. Rõ ràng, không chỉ ở các bậc cha mẹ trẻ, mà ở cả các bậc cha mẹ có độ tuổi cao hơn cũng bộc lộ ý kiến thống nhất về quan niệm và các đánh giá các giá trị học vẫn đó.

Từ sự phân tích các kết quả thực nghiệm tại hai xã trên đây chúng tôi có nhận xét như sau: hầu hết nông dân hiện nay có một ứng xử thống nhất trong việc nhận thức và đánh giá các giá trị học vẫn. Đó là hiện tượng họ cũng có nguyện vọng và cố gắng trên thực tế để con cái họ có thể học hết phổ thông trung học hoặc ít ra là phổ thông cơ sở. Tuy vậy, không loại trừ một thiểu số nông dân đã nỗ lực định hướng cho con cái học lên những bậc cao hơn, một thiểu số khác lại tỏ ra thụ động khi cho

rằng việc học tập đến đâu là tùy khả năng các con, thậm chí không có dự định về tương lai học tập và nghề nghiệp của con.

Dưới đây, chúng tôi sẽ phân tích thêm một vài nguyên nhân của hiện tượng này.

Trước đây, dưới các chế độ xã hội cũ, ở nông thôn, một người có học, đỗ đạt là sự kiện đặc biệt quan trọng trong cộng đồng. Thông thường, những kẻ đó ở bậc trên và có một điều kiện kinh tế gia đình khá giả. Trong bối cảnh xã hội này, những nông dân nghèo và cả những người bình thường không thể có điều kiện tham gia học hành, thi cử. Đây là tầng lớp chiếm tuyệt đại đa số trong nông thôn.

Mặt khác, trong làng xã truyền thống, học cao - đỗ đạt có ý nghĩa rất quan trọng đối với bản thân người có học vấn, thậm chí cả gia đình và họ hàng, “một người làm quan, cả họ được nhờ”. Như vậy, có học và học cao không chỉ có ý nghĩa tinh thần mà thôi, nó còn có cả ý nghĩa vật chất nữa. Ý nghĩa vật chất đó là các quyền lợi xã hội, là địa vị gia đình được đề cao. Đó là những điều kiện xã hội quan trọng cho phép kẻ có học có được những tiền đề cho sự thăng tiến xã hội. Điều đó cũng lý giải tại sao đối với các xã hội nông nghiệp, “chữ nghĩa” và “học vấn” thường được xem như các tài sản tinh thần dành riêng cho một nhóm có vai trò thống trị xã hội. Trong nông thôn Bắc Bộ cũ, một anh giáo làng, một chức dịch trong bộ máy quản lý làng - xã hay một thư lại trong các công sở, v.v..., đều đã là những người được nông dân vì nể.

Cách mạng Tháng Tám đã lật đổ chế độ cũ cũng như hệ thống học đường và các giá trị học vấn đã lỗi thời của nó. Rồi sau năm 1954 miền Bắc bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, vấn đề đặt ra là nâng cao không ngừng trình độ học vấn cho nhân dân. Từ những đòi hỏi cấp bách này, trong nông thôn đã dấy lên một phong trào học tập hướng đến việc tiếp thu ngày càng cao các giá trị văn hóa mới. Cho đến nay, nông dân ta, trước hết là nông dân đồng bằng Bắc Bộ đã có được một trình độ văn hóa phổ cập như số liệu đã nêu ở phần đầu. Đây chính là cơ sở xã hội mới cho sự hình thành dần những quan niệm mới trong nông dân đối với các giá trị học vấn. Các giá trị học vấn ở mỗi cá nhân đã được nông dân xem là hiện tượng bình thường, quen thuộc hơn. Do vậy thái độ nông dân đánh giá cho việc “học hết phổ thông trung học” là một thực tế có nguyên nhân từ hoàn cảnh xã hội nông thôn đã có những biến đổi to lớn trên lĩnh vực giáo dục và các lĩnh vực kinh tế, xã hội khác.

Tuy nhiên, khi xem xét các khía cạnh cơ bản của đời sống xã hội trong mối tương quan với những đòi hỏi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay, trình độ “hết phổ thông trung học” chưa cho phép bản thân những con em công dân đã đạt được trình độ đó tham gia một cách có hiệu quả trong mọi lĩnh vực phát triển nông thôn mà cuộc cách mạng yêu cầu. Trong thực tế, giá trị học vấn “hết phổ thông trung học” dường như là khá cao so với trình độ sản xuất chủ yếu là thủ công hiện nay ở nông thôn. Sự không phù hợp này dẫn đến các giá trị học vấn không gây được tác dụng và hiệu quả một cách trực tiếp trong đời sống nông thôn. Nhiều nghiên cứu xã hội học cho biết; không ít con em nông dân, sau khi học xong phổ thông trung học đã vào đại

học hoặc trung cấp và thoát ly khỏi nông thôn. Khi được phỏng vấn về dự định tương lai nghề nghiệp cho các con, đa số nông dân trả lời có nguyện vọng cho con cái học lên để làm kỹ sư, bác sĩ, cán bộ Nhà nước. Theo họ, những vị trí xã hội như thế thường gắn liền với sự thoát ly nông thôn hay là sự cắt đứt với xã hội nông nghiệp. Các quan sát xã hội học cũng ghi nhận: trong nông thôn hiện nay có đông đảo thanh niên đã có trình độ hết phổ thông cơ sở hoặc phổ thông trung học, nhưng lại chỉ là một lực lượng gắn bó hình thức chứ không hữu cơ với sản xuất và hoạt động xã hội ở quê hương họ. Đó là những nhóm cá biệt bên lề các thực tế phát triển kinh tế, xã hội trong nông thôn hiện nay.

Tuy vậy, sau khi sản phẩm trong nông nghiệp khá đông gia đình nông dân đã cho con cái họ thôi học, hoặc chỉ học hết phổ thông cơ sở, để các em tham gia nhiều hơn vào sản xuất, với vai trò là lao động gia đình. Số lao động trẻ em được sử dụng như lao động chính trong gia đình tăng lên đáng kể.

Những dữ kiện xã hội học trên đây cho phép có thể hiểu được ý kiến đánh giá các giá trị học vấn của nông dân, như đã nêu ở trên, vốn có nguyên nhân từ lịch sử. Đó có thể là *sự tồn tại dai dẳng trong ý thức nông dân những quan niệm truyền thống đối với các giá trị học vấn*. Những quan niệm này đã định hướng những xử sự thực tế của họ đối với khả năng học tập của con cái. Một mặt, *nhu cầu về trình độ học vấn cao trong nông dân ngày nay vốn có một ý nghĩa là giá trị biểu hiện sự thăng tiến xã hội của bố mẹ qua khả năng học tập của các con*. Sự thăng tiến này hoàn toàn là một giá trị tinh thần để người ta có thể yên tâm và tự hào với những gì đã đạt được qua đứa con, và do đó cũng là sự xác lập vị trí xã hội của chính bản thân bố mẹ. Mặt khác, còn có thái độ như coi học vấn một thứ “xa xỉ”, không quan trọng bằng ruộng đất và lao động nông nghiệp.

Theo chúng tôi, chính những nguyên nhân lịch sử trên đây đã vừa là điều kiện thuận lợi cho quá trình phổ cập giáo dục trong nông thôn, nhưng cũng là nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực tế của giáo dục đối với sản xuất và xây dựng nông thôn mới hiện nay. Đó là hiện tượng các giá trị học vấn mà nông dân đạt được vẫn còn đứng bên lề các hoạt động phát triển nông thôn và nông nghiệp.